

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 7
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	8
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	16 - 38
8. Phụ lục	39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần TIE được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu TIE. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301173454 (số cũ 4103002484) đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 1 đến lần 16 về việc bổ sung nghề kinh doanh, thay đổi người đại diện pháp luật, tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 95.699.000.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	6.699.000	66.990.000.000	70
Các cổ đông khác	2.870.900	28.709.000.000	30
Cộng	9.569.900	95.699.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 330 855 - 38 393 054

Fax : 38 332 754

Mã số thuế : 030 117 3454

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cơ điện TIE	Khu sản xuất Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Phú Quốc	Số 249 – 251, đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Hà Nội	Số 133, phố Lê Thanh Nghị, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Cần Thơ	Số 29D, đường Nguyễn Văn Linh, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Đà Nẵng	Số 360, đường Nguyễn Tri Phương, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

Buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

Điều hành tua du lịch. Chi tiết:

- Điều hành tua du lịch,
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa;

Vận tải hành khách đường bộ khác;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường hàng không); Đại lý du lịch;

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng,
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế,
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng,
- Kinh doanh thiết bị lạnh, máy phát điện, động cơ và phụ tùng rời cung cấp cho ngành điện lực (trừ tái chế phế thải nhựa – kim loại),
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc đo lường thí nghiệm điện – điện tử - viễn thông,
- Mua bán thiết bị phụ tùng, máy móc phục vụ sản xuất công nghiệp;

Sửa chữa thiết bị liên lạc (không hoạt động tại trụ sở);

Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình (không hoạt động tại trụ sở);

Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (không hoạt động tại trụ sở);

Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (không hoạt động tại trụ sở);

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết:

- Lưu giữ hàng hóa,
- Đại lý ký gửi hàng hóa;

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: thiết kế các mặt hàng điện tử dân dụng;

Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: sản xuất, gia công lắp ráp các mặt hàng điện tử dân dụng (không hoạt động tại trụ sở);

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:

- Kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng,
- Mua bán tư liệu sản xuất hóa chất, vật tư, nguyên phụ liệu,
- Mua bán phương tiện vận tải và phụ tùng,
- Mua bán các sản phẩm cơ khí,
- Bán buôn sản phẩm bao bì, mút, xốp,
- Bán buôn bột giấy, giấy nguyên liệu;

Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. Chi tiết: sản xuất máy phát điện, động cơ và phụ tùng rời cung cấp cho ngành điện lực (trừ tái chế phế thải nhựa – kim loại và không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: sản xuất thiết bị lạnh (không hoạt động tại trụ sở);

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu linh kiện điện tử;

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. Chi tiết: mua bán thiết bị phụ tùng, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp;

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết:

- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến,
- Mua bán vật liệu xây dựng;

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết:

- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ,
- Mua bán trang trí nội thất, hàng tiêu dùng,
- Bán buôn văn phòng phẩm;

Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: dịch vụ lao động;

Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: thiết lập mạng lưới Internet, cung cấp dịch vụ Internet công cộng;

Sản xuất thiết bị truyền thông. Chi tiết: sản xuất, lắp ráp thiết bị bưu chính viễn thông (không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí (không hoạt động tại trụ sở);

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn;

Vận tải hành khách đường bộ trong nội bộ thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: vận chuyển hành khách bằng taxi theo hợp đồng;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;

Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên Internet: Dịch vụ thư điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ truy cập cơ sở dữ liệu và thông tin trên mạng; Dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (EDI); Dịch vụ Fax nâng cao hay gia tăng giá trị bao gồm lưu trữ và gửi, lưu trữ và truy cập; Dịch vụ chuyển đổi mã, hiệu; Dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng; Các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng khác theo quy định của Bộ Bưu chính Viễn thông;

Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: thiết kế phần mềm máy tính;

Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Chi tiết:

- Tư vấn phần mềm máy tính.
- Tư vấn, thiết kế, lắp đặt mạng máy tính;

Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: mua bán hàng thủy hải sản chế biến;

Bán buôn đồ uống. Chi tiết: mua bán nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);

Sản giấy giấy nhãn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bia. Chi tiết: sản xuất bao bì bằng giấy, bia (không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: sản xuất bao bì từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất mút, xốp (không hoạt động tại trụ sở);

Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn sắt, thép;

Hoạt động viễn thông có dây;

Hoạt động viễn thông không dây;

Sản xuất linh kiện điện tử (không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính (không hoạt động tại trụ sở);

Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Chi tiết: vận chuyển hành khách bằng đường thủy;

Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UB và Quyết định 79/2009/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố về quy hoạch nông sản thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh);

Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UB và Quyết định 79/2009/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố về quy hoạch nông sản thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh);

Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ đồ uống không chứa cồn và đồ uống chứa cồn (rượu, bia);

Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ được phẩm, vàng, bạc, đá quý, sách, báo, tạp chí, băng đĩa);

Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ văn phòng phẩm;

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội);

Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (trừ dược phẩm, dụng cụ y tế);

Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ hoa, cây cảnh; hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ), đồng hồ, mắt kính, máy ảnh và vật liệu ảnh (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UB và Quyết định số 79/2009/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố về quy hoạch nông sản thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh);

Bốc xếp hàng hóa;

Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...);

Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);

(Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Pháp luật có liên quan).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh

Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina cho Công ty Samsung Electronics Co., Ltd. trong năm 2013 và đang thực hiện đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 39).

Trong năm Công ty đã thực hiện tạm chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ là 15% trên vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2014.

Sự kiện phát sinh sau năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Dũng	Chủ tịch	27 tháng 5 năm 2011	-
Ông Vũ Quốc Vinh	Thành viên	01 tháng 12 năm 2010	-
Bà Phạm Thúy Oanh	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	-
Ông Đoàn Vinh Quang	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	30 tháng 4 năm 2014
Ông Hoàng Minh Trí	Thành viên	04 tháng 4 năm 2014	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Đặng Thị Hoàng Anh	Trưởng ban	27 tháng 4 năm 2013	-
Ông Đặng Chu Dũng	Thành viên	24 tháng 4 năm 2009	-
Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư	Thành viên	27 tháng 5 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Quốc Vinh	Tổng Giám đốc	01 tháng 12 năm 2010	-
Ông Trịnh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2014	27 tháng 01 năm 2015
Ông Lê Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	20 tháng 5 năm 2014	-
Ông Đoàn Vinh Quang	Phó Tổng Giám đốc	11 tháng 6 năm 2008	30 tháng 4 năm 2014

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thủy Oanh	Kế toán trưởng	30 tháng 6 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE ~ VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2015





Số: 0350/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tie – Văn phòng TP. Hồ Chí Minh, được lập ngày 06 tháng 02 năm 2015, từ trang 09 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tie – Văn phòng TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2015



Hoàng Thanh Hải - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0198-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		258.799.429.289	305.289.034.697
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	94.627.556.761	95.228.037.498
1. Tiền	111		10.627.556.761	15.061.926.387
2. Các khoản tương đương tiền	112		84.000.000.000	80.166.111.111
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		440.550.000	422.306.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.423.652.470	1.423.652.470
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(983.102.470)	(1.001.346.470)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.083.725.748	104.626.743.730
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	76.413.017.233	96.616.514.443
2. Trả trước cho người bán	132		2.496.994.913	1.636.474.793
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		8.486.886.050	6.961.043.713
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	7.573.335.611	9.561.600.491
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(6.886.508.059)	(10.148.889.710)
IV. Hàng tồn kho	140		65.876.343.973	90.263.280.183
1. Hàng tồn kho	141	V.7	70.886.141.377	95.443.794.121
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(5.009.797.404)	(5.180.513.938)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.771.252.807	14.748.667.286
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		195.455.030	746.362.956
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.146.531.518	7.348.870.748
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	3.802.497.075	6.138.739.582
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	626.769.184	514.694.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.735.905.312	86.072.402.659
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		40.175.200.905	25.843.540.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	18.526.989.958	16.925.546.551
<i>Nguyên giá</i>	222		29.945.170.679	26.865.505.659
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.418.180.721)	(9.939.959.108)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	4.737.491.966	4.823.341.250
<i>Nguyên giá</i>	228		5.380.992.840	5.380.992.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(643.500.874)	(557.651.590)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	16.910.718.981	4.094.653.139
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	25.044.277.077	25.620.730.257
<i>Nguyên giá</i>	241		28.610.873.830	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3.566.596.753)	(2.990.143.573)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.282.088.770	34.177.980.920
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	2.590.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	25.080.000.000	10.440.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	28.062.922.348	28.285.558.448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(5.450.833.578)	(4.547.577.528)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.234.338.560	430.150.542
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	924.338.560	120.150.542
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		310.000.000	310.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		375.535.334.601	391.361.437.356

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		111.872.818.378	117.156.018.908
I. Nợ ngắn hạn	310		109.872.818.378	115.156.018.908
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	76.212.534.363	65.032.633.809
2. Phải trả người bán	312	V.21	20.813.966.032	34.219.328.103
3. Người mua trả tiền trước	313		188.218.405	25.525.151
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	162.636.783	404.000.407
5. Phải trả người lao động	315		501.190.500	785.033.000
6. Chi phí phải trả	316	V.23	2.924.577.805	3.246.213.661
7. Phải trả nội bộ	317		1.799.475.530	1.033.356.458
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	4.107.510.121	2.125.624.365
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	3.162.708.839	8.284.303.954
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.000.000.000	2.000.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		263.662.516.223	274.205.418.448
I. Vốn chủ sở hữu	410		263.662.516.223	274.205.418.448
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	142.068.984.401	138.838.371.124
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	5.145.125.364	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	20.749.406.458	28.643.029.905
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		375.535.334.601	391.361.437.356

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối năm	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		4.908.626.147	41.488.280.050
4. Nợ khó đòi đã xử lý		7.197.629.710	1.317.737.655
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		4.219,09	6.981,98
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2015



Người lập biểu
Huỳnh Bảo Khánh



Kế toán trưởng
Phạm Thúy Oanh



Tổng Giám đốc
Vũ Quốc Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	326.577.691.361	283.690.064.006
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	6.964.256.310	3.288.258.752
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	319.613.435.051	280.401.805.254
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	307.180.292.809	274.206.168.362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.433.142.242	6.195.636.892
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	42.223.909.972	85.619.864.187
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.120.699.559	5.634.833.183
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.944.542.518	2.245.948.442
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	26.289.710.160	18.134.568.122
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	15.231.947.587	16.649.160.039
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.014.694.908	51.396.939.735
11. Thu nhập khác	31	VI.7	13.354.598.207	8.191.772.235
12. Chi phí khác	32	VI.8	594.648.267	1.342.789.494
13. Lợi nhuận khác	40		12.759.949.940	6.848.982.741
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.774.644.848	58.245.922.476
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.336.242.507	299.350.667
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>15.438.402.341</u>	<u>57.946.571.809</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2015



Người lập biểu
Huỳnh Bảo Khánh



Kế toán trưởng
Phạm Thúy Oanh



Tổng Giám đốc
Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2014**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.774.644.848	58.245.922.476
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,12,14	2.215.951.190	1.904.777.458
- Các khoản dự phòng	03	V.3,6,8,18	3.331.805.920	5.156.723.039
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(1.716.200)	(2.359.445)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,4,7,8	(41.999.694.253)	(83.506.110.005)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.944.542.518	2.245.948.442
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(11.734.465.977)	(15.955.098.035)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.653.183.744	(57.739.288.736)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		24.557.652.744	(52.392.319.249)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.026.256.239	20.434.107.690
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(253.280.092)	391.423.248
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7.036.342.819)	(2.154.148.141)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(5.748.059.478)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		238.726.500	(255.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.203.261.299)	(7.239.919.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.248.469.040	(120.658.301.706)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,13	(16.005.722.662)	(9.819.055.040)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	742.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(1.609.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.16,17	(17.230.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		90.888.000	95.124.351.919
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	42.166.007.040	93.334.075.911
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.412.172.378	179.381.645.517

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20	101.341.033.480	148.478.010.732
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20	(123.645.981.835)	(112.583.511.811)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(10.957.890.000)	(14.306.762.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(33.262.838.355)</i>	<i>21.587.736.921</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(602.196.937)	80.311.080.732
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	95.228.037.498	14.912.561.757
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.716.200	4.395.009
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	94.627.556.761	95.228.037.498

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2015



Người lập biểu
Huỳnh Bảo Khánh



Kế toán trưởng
Phạm Thúy Oanh



Tổng Giám đốc
Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - thương mại – Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 94 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 114 nhân viên).
- Những ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động của doanh nghiệp trong năm**
Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina cho Công ty Samsung Electronics Co., Ltd. trong năm 2013 và đang thực hiện đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bản quyền phần mềm máy tính

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m² đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

10117
CÔNG
SỞ PH
TIE
TP. HỒ

128
N
HIỆP
AN
&
-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.036 VND/USD
31/12/2014 : 21.246 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	342.078.752	517.836.284
Tiền gửi ngân hàng	10.285.478.009	14.544.090.103
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	84.000.000.000	80.166.111.111
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	<u>94.627.556.761</u>	<u>95.228.037.498</u>

(i) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 50.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và 34.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công thương được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng này (xem Thuyết minh V.22).

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình	16	60.000	15	60.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	22.805	443.592.470	22.805	443.592.470
Cộng		<u>1.423.652.470</u>		<u>1.423.652.470</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.001.346.470)	(2.664.492.970)
Hoàn nhập dự phòng	18.244.000	1.663.146.500
Số cuối năm	<u>(983.102.470)</u>	<u>(1.001.346.470)</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	673.901.872	728.500.715
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến	-	12.708.552.005
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	10.176.492.519	-
Các khách hàng khác	65.562.622.842	83.179.461.723
Cộng	<u>76.413.017.233</u>	<u>96.616.514.443</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	26.615.590	16.324.651
Công ty Chứng khoán Đông Á	80.052.361	1.032.391
Công ty Cổ phần thể hệ mới NGT ⁽ⁱ⁾	3.210.000.000	3.210.000.000
Phải thu ông Phạm Văn Hoàng ⁽ⁱⁱ⁾	-	5.866.264.573
Công ty Cổ phần Đầu tư Tie - Exim - Tiền cho vay	609.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn		
- Tiền cho vay	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến - Chiết khấu phải thu	1.317.201.398	-
Công ty TNHH MTV Du lịch Liên Lục Địa	719.882.831	25.934.380
Các khoản phải thu khác	610.583.431	442.044.496
Cộng	<u>7.573.335.611</u>	<u>9.561.600.491</u>

- (i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Viễn thông thế hệ mới NGT đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.
- (ii) Giá trị hàng tồn kho bị mất tại Chi nhánh Hà Nội, theo bản án số 03/2013/HSPT ngày 08 tháng 01 năm 2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hà Nội thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty thuộc về ông Phạm Văn Hoàng, Công ty đã gửi Công văn đề nghị giám đốc thẩm lại vụ án. Khoản này đã được lập dự phòng toàn bộ vào cuối năm 2010 Năm 2014, Công ty đã dùng nguồn quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản tổn thất này theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 14/2014/BB-HĐQT ngày 20 tháng 10 năm 2014.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(1.356.373.213)	(734.389.654)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm</i>	<i>(3.621.527)</i>	<i>(692.071.099)</i>
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	<i>(1.352.751.686)</i>	<i>(40.437.395)</i>
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên</i>	-	<i>(1.881.160)</i>
Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi	(5.530.134.846)	(9.414.500.056)
- Ông Lê Nguyên Vũ	-	(35.000.000)
- Công ty Cổ phần Điện máy Viễn Thông Hợp Nhất	<i>(139.430.001)</i>	<i>(139.430.001)</i>
- Công ty Cổ phần thế hệ mới NGT	<i>(3.210.000.000)</i>	<i>(3.210.000.000)</i>
- Phải thu Ông Phạm Văn Hoàng	-	<i>(5.879.892.055)</i>
- Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Nguyên Bào	<i>(1.323.229.645)</i>	-
- Công Ty Cổ Phần Tiếp Điểm Vàng	<i>(707.297.200)</i>	-
- Công ty Cổ phần Đăng Khoa	<i>(150.178.000)</i>	<i>(150.178.000)</i>
Cộng	<u>(6.886.508.059)</u>	<u>(10.148.889.710)</u>

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(10.148.889.710)	(5.805.999.621)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(884.567.654)
Hoàn nhập dự phòng	3.262.381.651	-
Phân loại lại từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.458.322.435)
Số cuối năm	<u>(6.886.508.059)</u>	<u>(10.148.889.710)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	130.830.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	553.300.247	1.389.249.651
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	94.947.050	129.008.176
Thành phẩm	1.215.404.043	971.184.846
Hàng hóa	68.891.660.037	92.954.351.448
Cộng	<u>70.886.141.377</u>	<u>95.443.794.121</u>

Giá trị hàng tồn kho tương đương 70.000.000.000 VND được bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh V.22).

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Khoản dự phòng giảm giá cho hàng hóa.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(5.180.513.938)	(7.306.692.588)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(1.332.143.785)
Hoàn nhập dự phòng	170.716.534	-
Phân loại lại sang dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	3.458.322.435
Số cuối năm	<u>(5.009.797.404)</u>	<u>(5.180.513.938)</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	115.861.042	-
Tạm ứng	510.908.142	514.694.000
Cộng	<u>626.769.184</u>	<u>514.694.000</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	20.018.470.793	1.168.895.257	4.572.305.496	1.105.834.113	26.865.505.659
Mua sắm mới	-	882.212.129	2.259.009.091	48.435.600	3.189.656.820
Giảm do thanh lý	-	-	-	(109.991.800)	(109.991.800)
Số cuối năm	<u>20.018.470.793</u>	<u>2.051.107.386</u>	<u>6.831.314.587</u>	<u>1.044.277.913</u>	<u>29.945.170.679</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.455.527.339	548.147.166	511.186.807	663.239.929	3.178.101.241
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.388.377.458	582.112.148	2.197.542.222	771.927.280	9.939.959.108
Khấu hao trong năm	714.807.325	158.151.026	604.886.414	75.803.961	1.553.648.726
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(75.427.113)	(75.427.113)
Số cuối năm	<u>7.103.184.783</u>	<u>740.263.174</u>	<u>2.802.428.636</u>	<u>772.304.128</u>	<u>11.418.180.721</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.630.093.335	586.783.109	2.374.763.274	333.906.833	16.925.546.551
Số cuối năm	12.915.286.010	1.310.844.212	4.028.885.951	271.973.785	18.526.989.958
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-
12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình					
	Phần mềm quản lý và		Quyền sử		Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	858.492.840		4.522.500.000		5.380.992.840
Số cuối năm	858.492.840		4.522.500.000		5.380.992.840
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	557.651.590		-		557.651.590
Khấu hao trong năm	85.849.284		-		85.849.284
Số cuối năm	643.500.874		-		643.500.874
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	300.841.250		4.522.500.000		4.823.341.250
Số cuối năm	214.991.966		4.522.500.000		4.737.491.966
13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang					
		Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm		Số cuối năm
<i>XDCB dở dang:</i>					
Chi phí xây dựng khu bán hàng lưu niệm và giải trí Chi nhánh Phú Quốc	4.004.630.545		7.375.595.296		11.380.225.841
Trung tâm điều hành du lịch và kinh doanh hệ thống định vị toàn cầu		-	5.343.454.546		5.343.454.546
Chi phí Showroom Vĩnh Tiến tại Hà Nội			97.016.000		97.016.000
Chi phí định giá đất Bình Chuẩn	90.022.594		-		90.022.594
Cộng	4.094.653.139		12.816.065.842		16.910.718.981
14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư					
				Quyền sử dụng đất	
Nguyên giá					
Số đầu năm					28.610.873.830
Số cuối năm					28.610.873.830
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm					2.990.143.573
Khấu hao trong năm					576.453.180
Số cuối năm					3.566.596.753
Giá trị còn lại					
Số đầu năm					25.620.730.257
Số cuối năm					25.044.277.077

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.
- Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m² đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

15. Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của số 0312554596 ngày 19 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp với số tiền là 4.590.000.000 VND, chiếm 51% vốn điều lệ. Công ty đã thực góp 2.590.000.000 VND, số vốn còn phải góp là 2.000.000.000 VND.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE - EXIM ⁽ⁱ⁾	-	10.440.000.000	-	10.440.000.000
Công ty TNHH Vĩnh Tiến - Tie ⁽ⁱⁱ⁾	-	14.640.000.000	-	-
Cộng		25.080.000.000		10.440.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM 10.440.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư bằng các khoản chi hộ, tiền mặt và giá trị chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

(ii) Theo Giấy chứng nhận số 0801093503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vĩnh Tiến – Tie 14.700.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Đến thời điểm cuối năm 2014, Công ty đã góp 14.640.000.000 VND, còn phải góp 60.000.000 VND.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu các đơn vị sau:				
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	730.078	8.182.728.448	730.078	8.182.728.448
Công ty Cổ phần vận chuyển Saigon Tourist	43.312	448.741.100	58.212	603.120.000
Công ty Cổ phần dịch vụ bưu chính viễn thông Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Công ty Cổ phần bất động sản Sài Gòn Đông Dương	850.000	8.500.000.000	850.000	8.500.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	39.675	2.256.742.800	40.875	2.325.000.000
Cộng		28.062.922.348		28.285.558.448

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn là do Công ty bán 14.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần vận chuyển Saigon Tourist và bán 1.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần văn hóa Tân Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Khoản dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(4.547.577.528)	(1.956.619.428)
Trích lập dự phòng bổ sung	(903.256.050)	(2.590.958.100)
Số cuối năm	(5.450.833.578)	(4.547.577.528)

19. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí thuê nhà chi nhánh Hà Nội	-	554.198.400	(184.732.800)	369.465.600
Chi phí công cụ dụng cụ	120.150.542	253.976.652	(155.953.939)	218.173.255
Chi phí khác	-	478.248.726	(141.549.021)	336.699.705
Cộng	120.150.542	1.286.423.778	(482.235.760)	924.338.560

20. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	76.212.534.363	65.032.633.809
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	42.727.685.454	65.032.633.809
- Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Phú Nhuận ⁽ⁱⁱ⁾	33.484.848.909	-
Cộng	76.212.534.363	65.032.633.809

(i) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 14.1950011/HĐTDHM-TIE ngày 19 tháng 6 năm 2014 với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ, khoản vay được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 14.1950011/HĐTCHH-TIE và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này (xem Thuyết minh V.8).

(ii) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Phú Nhuận để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng tín dụng kèm Hợp đồng bảo đảm tiền vay số 003/03c/TG-KHDN/2013 ngày 25 tháng 3 năm 2014 với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ, khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (xem Thuyết minh V.1).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	65.032.633.809	101.341.033.480	(123.645.981.835)	42.727.685.454
- Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Phú Nhuận	-	138.098.927.465	(104.614.078.556)	33.484.848.909
Cộng	65.032.633.809	239.439.960.945	(228.260.060.391)	76.212.534.363

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	13.425.580.675	19.506.629.051
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến	5.665.748	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	212.656.739	89.892.796
Phải trả các nhà cung cấp khác	7.170.062.870	14.622.806.256
Cộng	20.813.966.032	34.219.328.103

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	345.832.244	(345.832.244)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.093.927.255	(5.089.997.881)	3.929.374
Thuế xuất, nhập khẩu	-	164.253.746	(163.626.870)	626.876
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.138.739.582)	2.336.242.507	-	(3.802.497.075)
Thuế thu nhập cá nhân	404.000.407	527.896.521	(773.816.395)	158.080.533
Tiền thuê đất	-	5.550.921.969	(5.550.921.969)	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	(5.734.739.175)	14.023.074.242	(11.928.195.359)	(3.639.860.292)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.11).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ bảo hành, màn hình vi tính, máy tính tiền, máy chiếu...	10%
Hàng hóa xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm sẽ được tính cho toàn Công ty và không tính riêng cho Văn phòng TP. Hồ Chí Minh (xem Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty về nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp).

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất đang sử dụng tại số 376, đường Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP. Hồ Chí Minh; số 912, đường Điện Biên Phủ, quận 10, TP. Hồ Chí Minh và số 52, đường Thành Thái, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hỗ trợ cho đại lý bán hàng	2.604.150.510	3.078.326.239
Chi phí lãi vay	-	91.800.301
Chi phí khác	320.427.295	76.087.121
Cộng	<u>2.924.577.805</u>	<u>3.246.213.661</u>

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	28.666.436	163.952.106
Thù lao HDQT	52.142.892	1.350.469.299
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.900.511.857	503.551.857
Các khoản phải trả khác	126.188.936	107.651.103
Cộng	<u>4.107.510.121</u>	<u>2.125.624.365</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.284.303.954	3.319.513.755
Trích lập trong năm	2.842.939.684	12.204.709.204
Chi quỹ trong năm	(7.964.534.799)	(7.239.919.005)
Số cuối năm	<u>3.162.708.839</u>	<u>8.284.303.954</u>

26. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	66.990.000.000
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	28.709.000.000
Cộng	<u>95.699.000.000</u>	<u>95.699.000.000</u>

Cổ tức

Công ty chi trả tạm ứng cổ tức năm 2013 với tỷ lệ là 15% trên vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 10.957.890.000 VND (năm trước là 14.306.762.000 VND).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.569.900	9.569.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu phổ thông	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu phổ thông	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán ra bên ngoài	318.099.335.295	273.791.015.724
- Doanh thu bán hàng hóa	308.057.831.204	258.729.402.435
- Doanh thu bán thành phẩm	938.270.871	3.477.773.143
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.086.189.585	11.573.202.873
- Doanh thu khác	17.043.635	10.637.273
Doanh thu nội bộ	8.478.356.066	9.899.048.282
- Doanh thu bán hàng hóa	8.125.237.330	9.535.965.429
- Doanh thu biểu tặng	353.118.736	355.187.399
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	7.895.454
Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.964.256.310)	(3.288.258.752)
Hàng bán bị trả lại	(6.819.919.292)	(3.188.678.325)
Chiết khấu thương mại	(144.337.018)	(99.580.427)
Doanh thu thuần	<u>319.613.435.051</u>	<u>280.401.805.254</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán thành phẩm	1.197.375.262	3.891.421.113
Giá vốn bán hàng hóa	291.875.573.434	251.654.440.934
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.861.424.389	10.419.867.407
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp nội bộ	7.245.919.724	8.240.438.908
Cộng	<u>307.180.292.809</u>	<u>274.206.168.362</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.782.925.011	2.967.246.259
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	38.643.626	151.779.986
Lãi tiền cho vay	-	2.975.000
Lãi/cổ tức các khoản đầu tư	36.383.082.029	39.966.829.652
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.543.106	849.646
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.716.200	6.374.725
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	42.523.808.919
Cộng	<u>42.223.909.972</u>	<u>85.619.864.187</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.944.542.518	2.245.948.442
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	131.748.100	1.952.513.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	154.935.072	185.583.182
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.015.280
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn và dài hạn	885.012.050	927.811.600
Chiết khấu thanh toán	-	296.361.000
Chi phí tài chính khác	4.461.819	22.600.679
Cộng	<u>8.120.699.559</u>	<u>5.634.833.183</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.885.767.311	6.881.740.763
Chi phí vật liệu, bao bì	68.730.168	48.961.454
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	527.206.188	207.162.322
Chi phí khấu hao tài sản cố định	847.143.730	766.956.613
Chi phí bảo hành	356.722.928	247.480.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.806.438.302	3.051.126.659
Chi phí bằng tiền khác	12.797.701.533	6.931.139.365
Cộng	<u>26.289.710.160</u>	<u>18.134.568.122</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.540.684.797	5.388.628.850
Chi phí vật liệu quản lý	107.284.684	109.633.542
Chi phí đồ dùng văn phòng	196.452.208	137.949.959
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.066.511.939	967.065.901
Thuế, phí và lệ phí	796.688.747	550.154.728
Chi phí dự phòng	(3.262.381.651)	884.567.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.083.465.894	2.005.579.278
Chi phí bằng tiền khác	4.703.240.969	6.605.580.127
Cộng	<u>15.231.947.587</u>	<u>16.649.160.039</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khoản thu hỗ trợ tiền bán hàng và chiết khấu từ nhà cung cấp	12.798.304.703	7.009.204.505
Thu thanh lý tài sản cố định	-	742.272.727
Thu tiền thuê đất tại số 376, đường Điện Biên Phủ, quận 10, TP. Hồ Chí Minh do chưa chuyển giao	449.790.080	320.546.000
Thu khác	106.503.424	119.749.003
Cộng	<u>13.354.598.207</u>	<u>8.191.772.235</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	34.564.687	741.534.552
Chi phí dự án không khả thi	-	81.818.182
Tiền thuê đất số 376, đường Điện Biên Phủ, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	449.790.000	320.546.000
Chi phí khác	110.293.580	198.890.760
Cộng	<u>594.648.267</u>	<u>1.342.789.494</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.849.202.508	3.826.657.125
Chi phí nhân công	13.800.159.903	13.304.231.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.913.655.669	1.737.552.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.892.304.196	5.111.115.640
Chi phí khác	15.443.441.208	15.342.558.373
Cộng	<u>42.898.763.484</u>	<u>39.322.115.009</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết góp vốn và mua cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn, Công ty còn phải góp vốn điều lệ vào Công ty này với số tiền là 2.000.000.000 VND tương đương 22,22% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến - Tie, Công ty còn phải góp vốn điều lệ vào Công ty này với số tiền là 60.000.000 VND tương đương 0,20% vốn điều lệ.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.239.079.090	1.196.036.428
Tiền thưởng	679.100.000	498.410.000
Thù lao	725.000.000	584.900.000
Cộng	<u>2.643.179.090</u>	<u>2.279.346.428</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM	Công ty liên kết
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vĩnh Tiến – Tie	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	Công ty mẹ của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến	Công ty có liên quan với Công ty mẹ của Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM		
Thu lại tiền thuê đất số 376, đường Điện Biên Phủ, quận 10	449.790.080	320.546.000
Bán hàng hóa	3.636.364	-
Cho vay tiền	609.000.000	-
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV		
Lãi vay	-	180.555.556
Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn		
Bán hàng hóa	5.636.646.000	-
Cho vay tiền	1.000.000.000	-
Góp vốn	2.590.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến		
Chiết khấu	1.317.201.398	-
Bán hàng hóa	26.412.230.364	13.319.393.317
Mua hàng	18.266.257.525	1.589.892.796
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến		
Mua hàng hóa	21.520.564.847	3.147.417.228
Bán hàng	10.918.905.786	14.514.097.911
Công ty TNHH Vĩnh Tiến – Tie		
Góp vốn	14.640.000.000	-
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến		
Tiền bán hàng	-	12.708.552.005
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến		
Tiền bán hàng	10.176.492.519	-
Tiền chiết khấu	1.317.201.398	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM		
Tiền cho vay	609.000.000	-
Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn		
Tiền bán hàng	2.112.446.000	-
Tiền cho vay	1.000.000.000	-
Cộng nợ phải thu	<u>15.215.139.917</u>	<u>12.708.552.005</u>
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến		
Mua hàng	212.656.739	89.892.796
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến		
Mua hàng	5.665.748	-
Cộng nợ phải trả	<u>218.322.487</u>	<u>89.892.796</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chủ yếu là kinh doanh màn hình vi tính Samsung và văn phòng phẩm tại thị trường Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính**Tổng quan**

Hoạt động của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Khoản phải thu khác của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không đáng kể do đã được lập dự phòng gần hết. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro đối với khoản phải thu này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	94.627.556.761	-	-	94.627.556.761
Phải thu khách hàng	42.139.652.351	29.235.654.906	5.037.709.976	76.413.017.233
Các khoản phải thu khác	13.006.030.071	-	3.210.000.000	16.216.030.071
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23.052.638.770	-	6.433.936.048	29.486.574.818
Cộng	172.825.877.953	29.235.654.906	14.681.646.024	216.743.178.883
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.228.037.498	-	-	95.228.037.498
Phải thu khách hàng	66.453.066.981	27.570.207.752	2.593.239.710	96.616.514.443
Các khoản phải thu khác	7.726.427.498	-	9.089.892.055	16.816.319.553
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.160.286.920	-	5.548.923.998	29.709.210.918
Cộng	193.567.818.897	27.570.207.752	17.232.055.763	238.370.082.412

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) trong vòng một năm.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh gồm rủi ro về giá chứng khoán, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc USD của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.219,09	6.981,98
Phải trả người bán	(239.480,00)	(164.438,00)
(Nợ phải trả) thuần có gốc USD	(235.260,91)	(157.456,02)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đảm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 76.212.534.363 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 65.032.633.809 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá hàng hóa.

Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có tài sản tài chính đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 50.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và 34.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng này (xem Thuyết minh V.1), Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	94.627.556.761	-	95.228.037.498	-	94.627.556.761	95.228.037.498
Phải thu khách hàng	76.413.017.233	(3.676.508.060)	96.616.514.443	(1.058.997.655)	72.736.509.173	95.557.516.788
Các khoản phải thu khác	16.246.556.221	(3.210.000.000)	16.816.319.553	(9.089.892.055)	13.036.556.221	7.726.427.498
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.486.574.818	(6.433.936.048)	29.709.210.918	(5.548.923.998)	23.052.638.770	24.160.286.920
Cộng	216.773.705.033	(13.320.444.108)	238.370.082.412	(15.697.813.708)	203.453.260.925	222.672.268.704

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	76.212.534.363	65.032.633.809	76.212.534.363
Phải trả người bán	20.813.966.032	34.219.328.103	20.813.966.032	34.219.328.103
Các khoản phải trả khác	5.983.845.067	4.387.221.222	5.983.845.067	4.387.221.222
Cộng	103.010.345.462	103.639.183.134	103.010.345.462	103.639.183.134

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE – VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này theo giá giao dịch thành công thu thập được.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2015



Huỳnh Bảo Khánh
Người lập biểu



Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng

Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	95.699.000.000	124.969.383.392	11.025.017.419	15.418.273.611	247.111.674.422
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	57.946.571.809	57.946.571.809
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	13.868.987.732	-	(27.737.975.464)	(13.868.987.732)
Lợi nhuận các chi nhánh chuyển về	-	-	-	(2.628.990.051)	(2.628.990.051)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(14.354.850.000)	(14.354.850.000)
Số dư cuối năm trước	95.699.000.000	138.838.371.124	11.025.017.419	28.643.029.905	274.205.418.448
Số dư đầu năm	95.699.000.000	138.838.371.124	11.025.017.419	28.643.029.905	274.205.418.448
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	15.438.402.341	15.438.402.341
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	3.230.613.277	-	(6.461.226.554)	(3.230.613.277)
Lợi nhuận các chi nhánh chuyển về	-	-	-	(2.515.949.234)	(2.515.949.234)
Sử dụng quỹ bù đắp tổn thất	-	-	(5.879.892.055)	-	(5.879.892.055)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(14.354.850.000)	(14.354.850.000)
Số dư cuối năm nay	95.699.000.000	142.068.984.401	5.145.125.364	20.749.406.458	263.662.516.223


 Người lập biểu
 Huỳnh Bảo Khánh


 Kế toán trưởng
 Phạm Thủy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2015


 Tổng Giám đốc
 Vũ Quốc Vinh



Số: 64/2015/CV-TIE

V/v: Giải trình chênh lệch số
liệu BCTC năm 2014 (Văn
phòng) trước và sau kiểm
toán

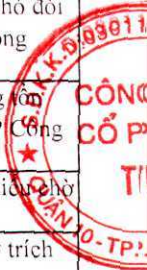
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014, các kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã có các bút toán điều chỉnh dẫn đến số liệu trong Báo cáo tài chính sau kiểm toán chênh lệch so với số liệu chúng tôi đã gửi cho Quý Sở. Chúng tôi xin giải thích nguyên nhân của những chỉ tiêu có chênh lệch lớn trong Báo cáo tài chính như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
1 Các khoản phải thu khác	135	8.024.727.354	7.573.335.611	(451.391.743)	Trình bày lại khoản tài sản thiếu chi xử lý về tài sản ngắn hạn: 115.861.042 đồng, giảm thu khác do trích quỹ thù lao HĐQT từ lợi nhuận sau thuế: 387.673.593 đồng (trừ với số đã tạm chi 335.530.701 đồng)
2 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(6.800.458.059)	(6.886.508.059)	(86.050.000)	Tăng trích lập dự phòng nợ khó đòi (theo tuổi nợ): 86.050.000 đồng
3 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(3.978.297.531)	(5.009.797.404)	(1.031.499.873)	Tăng trích lập dự phòng hàng tồn kho chậm luân chuyển tại VP Công ty: 1.031.499.873 đồng
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	510.908.142	626.769.184	115.861.042	Trình bày lại khoản tài sản thiếu chi xử lý về tài sản ngắn hạn
5 Chi phí phải trả	316	4.058.180.601	2.924.577.805	(1.133.602.796)	Giảm trích lập chi phí lãi vay trích trước: 1.133.602.796 đồng
6 Phải trả nội bộ	317	1.830.001.680	1.799.475.530	(30.526.150)	Giảm do CN Hà Nội giảm chi phí dự phòng tồn kho nên số lỗ CN Hà Nội chuyển về VP giảm: 30.526.150 đ
7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.055.367.229	4.107.510.121	52.142.892	Trích thù lao HĐQT: 387.673.593 đồng, ghi tăng phải trả: 52.142.892 đồng (trừ số đã tạm chi: 335.530.701 đồng).
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	319.769.155	3.162.708.839	2.842.939.684	Tăng quỹ KT-PL sau khi phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014: 2.842.939.684 đồng
9 Quỹ đầu tư phát triển	417	138.838.371.124	142.068.984.401	3.230.613.277	Tăng quỹ ĐT-PT sau khi phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014: 3.230.613.277 đồng



CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	27.164.053.939	20.749.406.458	(6.414.647.481)	Điều chỉnh lợi nhuận sau thuế năm 2014 sau khi phân phối lợi nhuận

BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
1 Giá vốn hàng bán	11	306.148.792.936	307.180.292.809	1.031.499.873	Tăng trích lập dự phòng hàng tồn kho chậm luân chuyển tại VP Công ty: 1.031.499.873 đồng
2 Chi phí tài chính	22	9.254.302.355	8.120.699.559	(1.133.602.796)	Giảm trích lập chi phí lãi vay trích trước: 1.133.602.796 đồng
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	<i>8.078.145.314</i>	<i>6.944.542.518</i>	<i>(1.133.602.796)</i>	Giảm trích lập chi phí lãi vay trích trước: 1.133.602.796 đồng
3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18.604.220.022	15.231.947.587	(3.372.272.435)	Tăng trích lập dự phòng nợ khó đòi 86.050.000 đồng, giảm đo điều chỉnh trình bày khoản dự phòng nợ phải thu 3.458.322.435 đồng
4 Chi phí khác	32	(2.863.674.168)	594.648.267	3.458.322.435	Tăng đo điều chỉnh trình bày khoản dự phòng nợ phải thu 3.458.322.435 đồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
		Theo phương pháp trực tiếp	Theo phương pháp gián tiếp		

Giải trình bổ sung (nếu cần thiết):

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN
P. TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Khả

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**Tổng Giám Đốc
VŨ QUỐC VINH**